TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
SỐ: 02/2018/QĐST-DS	*N, Ngày 05 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn C, sinh ngày 06/10/1946. Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Vợ chồng ông Phùng Đình N, sinh ngày 04/01/1958; bà Lê Thị L, sinh ngày 15/8/1958. Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm trả nợ:

Vợ chồng ông Phùng Đình N, bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn C tổng số tiền gốc còn nợ là 343.515.000đ (Ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

Ông C không yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải thanh toán lãi do chậm trả tiền.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền vợ chồng ông N, bà L phải trả cho ông C cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng ông N, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Phùng Đình N, bà Lê Thị L phải nộp là 4.294.000đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi tư nghìn đồng). Miễn toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm 2.147.000đ (Hai triệu một trăm bốn mươi bẩy nghìn đồng) cho ông Phùng Đình N. Bà Lê Thị L phải nộp là 2.147.000đ (Hai triệu một trăm bốn mươi bẩy nghìn đồng).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 4.294.000đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi tư nghìn đồng) cho ông Vũ Văn C. Hoàn lại cho ông Vũ Văn C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng) ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000806 ngày 18/5/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS./.*